

Số: 114 /QĐ-TCS

Cám Phá, ngày 31 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-HDQT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-TCS ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát (e-copy);
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN (e-copy);
- Website Công ty;
- Lưu HDQT (Th10).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 114/QĐ-TCS ngày 31 tháng 10 năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng cho việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật và quy định về việc cung cấp thông tin giữa các tập thể, cá nhân trong Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin khi có phát sinh thông tin phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng công bố thông tin chịu sự điều chỉnh của Quy chế này, bao gồm:

- a) Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;
- b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng có liên quan đến cổ phiếu của Công ty;
- c) Người liên quan đến đối tượng công bố thông tin.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người có liên quan của Công ty; giúp các nhà đầu tư, đối tác nắm được thực trạng của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.
2. Điều lệ là Điều lệ của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin, bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua cổ phiếu của Công ty để trở thành cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

4. Người nội bộ của Công ty là:

a) Thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

c) Giám đốc, Phó giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT bổ nhiệm;

d) Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Người phụ trách kế toán;

đ) Người đại diện theo pháp luật, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

5. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

7. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

8. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nơi chứng khoán của Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.

3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

4. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện công bố thông tin

a) Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật thực hiện công bố thông tin hoặc quyết định bằng văn bản ủy quyền cho 01 cá nhân là Người được ủy quyền công bố thông tin để thực hiện công bố thông tin của Công ty;

b) Người được ủy quyền công bố thông tin phải có các điều kiện sau:

- Trung thực, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức về kế toán tài chính, kỹ năng nhất định về tin học;

- Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông tiện liên hệ;

- Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là quan hệ với cổ đông, ghi nhận các ý kiến của cổ đông, định kỳ công bố thông tin và trả lời các ý kiến của cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

c) Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người đại diện theo pháp luật người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC (trường hợp Người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Nhân viên tổng hợp thông tin (nếu có)

1. Nhân viên tổng hợp thông tin là người được Giám đốc chỉ định trực tiếp hoặc theo đề xuất của Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin.

Nhân viên tổng hợp thông tin có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin, chuyển cho Người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định và trình Giám đốc thông qua.

2. Trách nhiệm của nhân viên tổng hợp thông tin:

- a) Thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều này chính xác, kịp thời;
- b) Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc hoặc Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

- a) Trang thông tin điện tử (website): www.cocsau.com của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Khi lập trang thông tin điện tử, Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, báo cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin

điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính (BCTC)

Công ty phải công bố BCTC năm, BCTC bán niên đã được kiểm toán, soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho Công ty có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, BCTC quý theo nguyên tắc sau:

a) BCTC năm

- BCTC năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Toàn văn BCTC năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, bao gồm báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC, Công ty phải công bố BCTC năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

- Thời hạn công bố BCTC năm: Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

- Phòng KTTC có trách nhiệm gửi BCTC năm (bản giấy, bản điện tử) đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất là 09 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá ngày 29 tháng 3 năm tiếp theo.

b) BCTC bán niên

- BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ" bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty;

- BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét của kiểm toán không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

- Thời hạn công bố BCTC bán niên: Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính;

- Phòng KTTC có trách nhiệm gửi BCTC bán niên hàng năm (bản giấy, bản điện tử) đã được tổ chức kiểm toán độc lập soát xét cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất là 04 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá ngày 13 tháng 8 hàng năm.

c) BCTC quý

- BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ" bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Thời hạn công bố BCTC quý: Công ty phải công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

- Phòng KTTC có trách nhiệm gửi BCTC quý cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất là 19 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

d) Giải trình BCTC: Khi công bố thông tin BCTC năm, bán niên, quý, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

2. Lập báo cáo và công bố thông tin báo cáo thường niên

a) Công ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính;

b) Phòng KTTC là đầu mối tổng hợp, lập báo cáo thường niên của Công ty. Thư ký Công ty, các phòng TCLĐ, KH, VP... và các cá nhân có trách nhiệm cung cấp số liệu, thông tin theo yêu cầu của nội dung báo cáo;

c) Thời hạn công bố thông tin báo cáo thường niên: chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

d) Phòng KTTC có trách nhiệm gửi báo cáo thường niên cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất là 18 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 108 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Lập báo cáo và công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị Công ty

a) Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính;

b) Thư ký Công ty là đầu mối tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản trị Công ty. Các phòng KTTC, TCLĐ, KH, VP... và các cá nhân có trách nhiệm cung cấp số liệu, thông tin theo yêu cầu của nội dung báo cáo;

c) Thời hạn công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị Công ty: chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

d) Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình quản trị công ty cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất là 28 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố trong vòng 24 giờ, kể từ khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc;

c) Phòng TCLĐ chủ trì phối hợp với phòng KTTC, Thư ký Công ty có trách nhiệm hoàn thiện các tài liệu liên quan đến thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty gửi cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông đối với các tài liệu dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; chậm nhất là 18 giờ, kể từ khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc đối với Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; *B*

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

x) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ);

y) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

7. Khi phát sinh thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ, các tập thể, cá nhân (nơi có thông tin phát sinh phải công bố) báo cáo Giám đốc Công ty và gửi ngay thông tin đến Người được ủy quyền công bố thông tin để công bố thông tin kịp thời.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch trong các sự kiện sau đây:

IV
AN
CS
JMI

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Khi phát sinh thông tin phải công bố theo yêu cầu, Giám đốc Công ty và Người được ủy quyền công bố thông tin yêu cầu các tập thể, cá nhân liên quan báo cáo, giải trình..., công bố thông tin đúng yêu cầu.

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

a) Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán;

b) Phòng KTTC có trách nhiệm gửi báo cáo cho (bản giấy, bản điện tử) cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để kiểm tra và thực hiện công bố thông tin. Thời gian gửi: chậm nhất là 88 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 08 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.



Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%), do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Công ty, khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch chứng khoán trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-

BTC ngày 16/11/2020 thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty, người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp Công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) cá nhân thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ và người có liên quan tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Điều 15. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin).

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 16. Trình tự thực hiện công bố thông tin

1. Cung cấp thông tin nội bộ

Ngay sau khi ban hành các quyết định, hợp đồng... hoặc nhận được các văn bản liên quan đến nghĩa vụ phải công bố thông tin quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước; các phòng, ban chủ trì soạn thảo, ban hành các quyết định, hợp đồng hoặc nhận được văn bản liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty, phải chuyển ngay các văn bản, tài liệu phải công bố thông tin tới Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty. Việc cung cấp thông tin của các phòng, ban trong Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và gửi cùng với file dữ liệu máy tính.

2. Xử lý thông tin

a) Khi nhận được thông tin do các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin và soạn theo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có) trình HĐQT hoặc Giám đốc Công ty phê duyệt theo thẩm quyền;

b) Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

3. Phê duyệt thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin trình lãnh đạo Công ty có thẩm quyền theo phân cấp ký và đóng dấu báo cáo, thông tin công bố trước khi thực hiện công bố. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, để kịp thời công bố thông tin, Người được ủy quyền công bố thông tin có thể trực tiếp ký các văn bản công bố thông tin, giải trình... và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về các văn bản đó.

4. Báo cáo và công bố thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố báo cáo, thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trang thông tin điện tử của Công ty và gửi báo cáo, văn bản công bố thông tin đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố phải được bảo quản, lưu trữ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này để phục vụ việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu của các nhà đầu tư khi cần thiết.

Điều 17. Xác nhận hoặc đính chính thông tin

Trường hợp có bất kỳ người nào công bố thông tin làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tác động lớn đến giá chứng khoán thì Người được ủy quyền công bố thông tin hoặc Giám đốc Công ty phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 18. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Công ty

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Đơn đốc các đơn vị, cá nhân trong công ty cung cấp các nội dung thông tin quy định tại Quy chế này, giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty kết quả thực hiện.

3. Đề xuất, kiến nghị với Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

4. Chịu trách nhiệm về thực hiện công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư và những người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Đính chính thông tin công bố

Trường hợp sau khi công bố thông tin, Công ty nhận được ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố, Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi, thực hiện công bố bổ sung hoặc đính chính thông tin theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân trong Công ty (nơi có phát sinh thông tin phải công bố theo quy định Quy chế này) chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về tính chính xác, kịp thời trong việc cung cấp các thông tin cung cấp cho Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty đối với các thông tin công bố định kỳ.

2. Thời gian cung cấp thông tin đối với thông tin bất thường phải công bố cho Người được ủy quyền công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi có phát sinh thông tin liên quan tới lĩnh vực được giao nhiệm vụ quản lý, điều hành.

Điều 21. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác quản lý, công bố thông tin có tác dụng tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được Công ty xét thưởng theo Quy chế khen thưởng của Công ty.

2. Tập thể, cá nhân thực hiện công tác cung cấp thông tin không tuân thủ đúng Quy chế công bố thông tin, cung cấp thông tin sai sự thật, tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động SXKD và uy tín của Công ty sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty và của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp pháp luật thay đổi có nội dung khác với Quy chế này thì những quy định mới của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Giám đốc đề xuất trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định./

